TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **96/2022**/DS-ST
Ngày: **26-9-2022.**
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mười.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Ngọc Diễm.
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 26 ngày 9 tháng năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106^{B}/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*/***Nguyên đơn***: Công ty E;
Địa chỉ: P.12, Q.B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông LÔ BẰNG G- Chức vụ: CTHĐQT;
- *Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện*: Bà Lê Thúy K- Chức vụ: Trưởng bộ phận hổ trợ xử lý tín dụng ngoại bảng.
Địa chỉ: P.13, Q.B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng:*
Ông Võ Thế Ng, sinh năm 1986
Địa chỉ: XMT, thành phố BT; theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022.
****/Bị** đơn*: Bà Trần Thị Thúy L , sinh năm 1981;
Địa chỉ: X.BT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
Ông Ng có mặt, bà L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022, bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng là ông Võ Thế Ng trình bày:

Vào ngày 15/01/2019 Công ty E có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: 20190115-0006397, với bà Trần Thị Thúy L, cho bà L vay tín chấp với số tiền 38.928.500đồng, lãi suất 3,33%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay là 36 tháng, trả mỗi tháng là 1.873.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.866.512đồng;

tổng gốc lãi là 67.421.512 đồng (gốc: 38.929.500đồng, lãi: 28.492.012 đồng). Quá trình vay bà L trả gốc lãi cho công ty tài chính là 37.00.000đồng. Sau đó thì bà L ngưng trả gốc lãi kể từ ngày 17/09/2020 cho đến nay. Công ty tài chính đã nhiều lần nhắc nhở bà L thực hiện nghĩa vụ nhưng bà L không trả tiền vay cho công ty theo cam kết thỏa thuận. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính TNHH nên nay Công ty tài chính khởi kiện để yêu cầu bà Loan trả số tiền còn nợ lại là 29.721.512 đồng. Nay Công ty E yêu cầu bà Trần Thị Thúy L trả tổng số tiền là 29.721.512 đồng (gốc: 22.934.602 đồng, lãi 6.786.910đồng)

***/Bị đơn bà Trần Thị Thúy L được Tòa án tống đạt hợp lệ để công khai** chứng cứ hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng bà L cố tình vắng mặt, Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]*Về thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn Công ty E khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Thúy L , sinh năm 1981. ĐKHKTT: X.BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Bà Trần Thị Thúy L được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bà L cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện của Công ty E thì vào ngày 15/01/2019 Công ty tài chính SMBC có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: 20190115-0006397, với bà Trần Thị Thúy L vay số tiền 38.928.500đồng, lãi suất 3,33%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay là 36 tháng, trả mỗi tháng gốc lãi là 1.873.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.866.512đồng; tổng gốc lãi là 67.421.512 đồng (gốc: 38.929.500đồng, lãi: 28.492.012 đồng). Quá trình vay bà L trả gốc lãi cho công ty tài chính là 37.00.000đồng (gốc: 17.132.975đồng, lãi: 23.206.025 đồng); sau đó bà L ngưng trả gốc lãi kể từ ngày 17/09/2020 cho đến nay. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ Công ty tài chính nên công ty tài chính yêu cầu bà Trần Thị Thúy L trả tổng số tiền còn nợ công ty là 29.721.512 đồng (gốc: 22.934.602đồng, lãi: 6.786.910đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 15/01/2019 Công ty E có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: 20190115-0006397, với bà Trần Thị Thúy L để cho bà L vay số tiền 38.928.500đồng, lãi suất 3,33%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay là 36 tháng, trả mỗi tháng là 1.873.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.866.512đồng; tổng gốc lãi là 67.421.512 đồng (gốc: 38.929.500đồng, lãi: 28.492.012 đồng). Quá trình vay bà L trả gốc lãi là 37.00.000đồng (gốc: 17.132.975đồng, lãi: 23.206.025 đồng); bà L ngưng trả gốc lãi kể từ ngày 17/09/2020 cho đến nay. Do bà Loan vi phạm nghĩa vụ trả nợ Công ty E nên Công ty tài chính yêu cầu bà Trần Thị Thúy L trả tổng số tiền hiện còn nợ là 29.721.512 đồng (gốc: 22.934.602đồng, lãi: 6.786.910đồng) là phù hợp theo

quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nước.

[5]Xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty E:

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính ông Võ Thế Ng vẫn giử nguyên quan điểm khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Thị Thúy L là yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ cho công ty tài chính SMBC tính đến ngày 26/9/2022 là 29.721.512 đồng (gốc: là 22.934.602đồng, lãi: 6.786.910đồng); ngoài ra bà L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả tất nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà bà L đã ký với Công ty tài chính SMBC vào ngày 15/01/2019 vào đơn xin vay vốn của bà L đã ký tên xác nhận và yêu cầu. Xét thấy có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Công ty E và bà L là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015. Do bà Trần Thị Thúy L vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi đúng hạn cho Công ty tài chính SMBC nên nay Công ty tài chính khởi kiện để yêu cầu bà L trả số tiền gốc 29.721.512 đồng là có căn cứ.

Quá trình vay bà L có trả cho Công ty tài chính SMBC số tiền gốc : 17.132.975đồng, lãi: 23.206.025 đồng); bà Lo ngưng trả gốc lãi kể từ ngày 17/09/2020 cho đến nay. Xét đối với mức lãi suất cho vay trong hạn là 33,3%/năm, tức là 3,33%/tháng. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà công ty và bà L đã kỳ kết vào ngày 15/01/2019 đã thỏa thuận mức lãi cho vay là 3,33%/tháng với sự thỏa thuận này cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13/TT/39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì mức cho vay này không bị giới hạn bởi Luật bộ dân sự năm 2015 quy định tại Điều 468. Nay Công ty Tài chính yêu cầu phải trả tổng số tiền 29.721.512 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân năm 2015 nên được chấp nhận.

**/ Bị đơn bà Trần Thị Thúy L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Công ty E cung cấp nhưng bà Trần Thị Thúy L, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính SMBC cũng như không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai và các chứng cứ mà Công ty tài chính E cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp. Bà Trần Thị Thúy L không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Công ty tài chính TNHH SMBC, bà L phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt này.

***/Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Do yêu cầu của Công ty tài E được chấp nhận, nên Công ty tài chính SMBC không phải chịu án phí. Công ty tài chính được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Trần Thúy L phải chịu án phí là 1.486.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TATC; điểm a, khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty E đối với bị đơn bà Trần Thị Thúy L. Buộc bà Trần Thị Thúy L có trách nhiệm trả cho Công ty E tổng số tiền là 29.721.512 đồng (gốc: là 22.934.602đồng, lãi: 6.786.910đồng); ngoài ra bà Loan còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả tất nợ.

****/Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:***

- Bà Trần Thị Thúy L phải chịu là 1.486.000 (Một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt nam Thịnh Vượng SMBC số tiền là 743.000 *(Bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005419 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đương có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

****/Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Hưng- Nguyễn Thị Hiền	**Huỳnh Thị Mười**

/Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Ngọc Hồng - Dương Thị Thanh Thúy	**Huỳnh Thị Mười**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

Trên thửa đất 01 tờ 28 phía bà Hạnh có xây 01 căn nhà tường cấp 4, có cấu trúc như sau: Nền gạch bóng kính, vách gạch, cột pê tông, cốt thép, máy tole, trần thạch cao, giá trị sử dụng còn lại là 70%. Diện tích xây dựng là 77,616m^2, giá trị sử dụng còn lại là 70%, trị giá: (77,616m^2 x 2.420.000đồng x 70%) = 131.481.504 đồng.

- Diện tích gạch ốp tường:

+ 53m x 1,2m = 63,6m^2.

+ 24m x 2m = 48m.

Tổng diện tích ốp tường là 11,6m^2 x 150.000đồng/m2 x70% = 11.718.000đồng.

- Bếp: Ốp đá hoa cương, gramit, diện tích 3,2m x 0,65m – 2,08m^2; giá trị sử dụng còn lại là 70%. Trị giá: 2,08m x 1.200.000đồng/m2 x 70% = 1.747.200đồng.

- Hàng rào cột pê tông cốt thép, không xây tường, có diện tích: 3,15 x 2,4 = 7,56m^2 x 1.000.000đồng/m^2 = 5.292.000đồng.

- Sân nền: 1,7m x 20,06m = 34,102m^2, giá trị sử dụng còn lại 70%, trị giá 34,102m x 130.000đồng/m2 x 70% = 3.103.282 đồng. Tổng trị giá căn nhà và các công trình kiến trúc kèm theo là 153.341.986đồng .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện **Huỳnh Thị Mười**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA